TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG** --- *Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST* *Ngày 12/8/2020* *V/v:"Tranh chấp ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Quang**

2. Bà **Huỳnh Phương Lan**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Trần Thị Huyền Trang**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: **ông Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST- HNGĐ ngày 9/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST- HNGĐ ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Tô Văn V**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Anh V có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Tố H**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Tô Văn V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Tố H tự nguyện quen biết nhau, đến năm 2019 anh chị tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số

50/2017, ngày 13 tháng 5 năm 2019. Trong quá trình chung sống anh chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Trong thời gian chung sống thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, bản thân anh rất muốn duy trì cuộc hôn nhân, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, sau đó chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và anh chị đã ly thân từ tháng 10 năm 2019.

Nay cuộc sống không còn, hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Vĩ khởi kiện và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn cùng chị Nguyễn Thị Tố H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Tố H đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của chị H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Tô Văn V.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Tô Văn V khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Tố H đây là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị Nguyễn Thị Tố H cư trú tại khu phố M, thị trấn M, huyện Châu Thành nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tố H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tại phiên tòa anh V đồng ý xét xử vắng mặt

bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Tố H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2019 anh Tô Văn V và chị Nguyễn Thị Tố H đi đến hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấp chứng nhận kết hôn số 50/2019 ngày 13 tháng 5 năm 2019, do đó quan hệ hôn nhân anh V và chị Tố H là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Tô Văn V thấy rằng: Theo anh V trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và anh chị đã ly thân với nhau kể từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Từ khi ly thân đến nay thì cả hai bên anh V và chị H không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị H không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V đối với chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về quan hệ nuôi con chung, về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Theo anh V trình bày trong thời gian chung sống anh chị chưa có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc này cũng đã được thông báo cho chị H trong Thông báo thụ lý vụ án để chị H biết, nhưng đến nay chị H không có ý kiến gì phản bác ý kiến của anh V và cũng không có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Tô Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Tố H.

2. Về con chung: Anh Tô Văn V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Tô Văn V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh V được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002119 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Tô Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ánh Tuyết

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*